

HOSE

17/01/2014

VNINDEX 543.59 10.05 1.88%

 KLGD 118,065,054 CP
 GTGD 2,326.02 Tỷ
 GTR NDTNN 248.27 Tỷ

 CP Tăng giá 104 CP
 CP Giảm giá 118 CP
 CP Đứng giá 82 CP


HNX

17/1/2014

HNXINDEX 72.79 -0.29 -0.40%

 KLGD 71,127,884 CP
 GTGD 676.30 Tỷ
 GTR NDTNN 40.27 Tỷ

 CP Tăng giá 78 CP
 CP Giảm giá 143 CP
 CP Đứng giá 158 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 605.50 16.04 2.72%
 HNX30 140.62 -1.25 -0.88%

Tâm điểm

► Khỏi ngoại đánh thốc VN-Index

► Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 2.300 tỷ đồng.

► Năm 2013: Việt Nam xuất khẩu 6.68 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch gần 2.9 tỷ USD

Tuy nhiên, tổng số gạo thực tế của Việt Nam được bán ra nước ngoài đạt 8.2 triệu Dàn Việt

► Xuất khẩu da giày sẽ đạt 11.33 tỉ đồng năm 2014

Tăng 10% so với kinh ngạch xuất khẩu da giày năm 2013

Thanh Niên

► Eurozone đối mặt nguy cơ giảm phát kéo dài

Theo công bố ngày 16/1 của cơ quan thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat) Bizlive

► TDH - Được nới room cho nhà đầu tư nước ngoài lên 49%

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài với TDH trước khi điều chỉnh là 42.74% Người Đồng Hành

► VNM - Năm 2013, doanh thu tăng khoảng 17%

Theo BCTC chưa kiểm toán, VNM đạt hơn 97,5% kế hoạch doanh thu năm 2013 Đầu Tư Chứng Khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	841,549	2,149	13.5	3.2	3.35
HNX	98,900	487	23.0	1.5	3.71
Toàn bộ thị trường	940,449	1,691	14.4	3.1	3.48

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Thép và sản phẩm thép	24,000	1,430	12.0	1.3	1.72
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Năm 2013: Việt Nam xuất khẩu 6.68 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch gần 2.9 tỷ USD

Xuất khẩu da giày sẽ đạt 11.33 tỉ đồng năm 2014

Eurozone đối mặt nguy cơ giảm phát kéo dài

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

TDH - Được nói room cho nhà đầu tư nước ngoài lên 49%

DPM - Hoàn thành kế hoạch 2013 trước 3 tháng

VNM - Năm 2013, doanh thu tăng khoảng 17%

► Tin kinh tế

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, xuất khẩu gạo trong năm 2013 đạt 6.68 triệu tấn, đạt kim ngạch gần 2.9 tỷ USD, giảm hơn 1 triệu tấn so với năm 2012. Tuy nhiên, tổng số gạo thực tế của Việt Nam được bán ra nước ngoài đạt 8.2 triệu tấn, đó là nhờ thông qua xuất khẩu tiểu ngạch. Ông Trương Thanh Phong - Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, cho biết gạo Việt Nam gặp khó khăn trên thị trường thế giới là do nhu cầu nhập khẩu gạo từ các thị trường truyền thống ở Đông Nam Á trong 6 tháng cuối năm chững lại, Indonesia không nhập khẩu, Philippines và Malaysia giảm mạnh.

Dự kiến kim ngạch xuất khẩu ngành da giày túi xách của Việt Nam năm 2014 sẽ đạt khoảng 11.33 tỉ đồng, tăng 10% so với năm 2013. Kế hoạch này vừa được Hiệp hội Da - giày - túi xách Việt Nam đưa ra trong báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh 2013 và kế hoạch 2014. Việt Nam đứng thứ hai sau Trung Quốc xuất khẩu giày vào thị trường EU, chiếm 8.5% thị phần. Với thị trường Mỹ, xuất khẩu giày túi xách Việt Nam cũng đạt 60 tỉ USD mỗi năm. Theo thông tin từ hiệp hội, trong năm 2014, ngành da giày - túi xách sẽ thúc đẩy phát triển thị trường nội địa, nâng dần tỷ lệ nội địa hóa các loại sản phẩm đạt 60 - 65%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) khu vực đồng Euro (Eurozone) đã giảm xuống mức 0.8% trong tháng 12/2013, từ mức 0.9% tháng 11. Số liệu CPI có xu hướng giảm trở lại, sau khi chạm mức thấp kỷ lục 4 năm (0.7%) vào tháng 10/2013, cho thấy áp lực giảm phát tại khối đồng tiền chung vẫn tiếp tục kéo dài. Lạm phát năm của khối Liên minh châu Âu (EU) là 1% trong tháng 12, hầu như không đổi so với tháng 11. Trong tháng 12, mức lạm phát năm thấp nhất đo được là ở Hy Lạp (âm 1.8%), và cao nhất là ở Estonia, Áo và Anh (2%).

► Tin doanh nghiệp

Sau khi được sự chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán nhà nước, HOSE thông báo điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của CTCP Phát triển nhà Thủ Đức (HOSE: TDH) đang niêm yết từ 42.74% lên 49% từ ngày 17/01/2014. Theo Báo cáo quản trị của TDH, công ty hiện có 4 cổ đông lớn, trong đó có 3 cổ đông là tổ chức nước ngoài, nắm giữ hơn 18% vốn. Cụ thể nhóm Deutsche Bank nắm 6.62% vốn, J.P. Morgan Whitefrans Inc nắm 6.05% và Red River Holding nắm giữ 5.91%.

Ông Cao Hoài Dương - Tổng giám đốc Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí (HOSE: DPM) cho biết, với kế hoạch 2013 lãi trước thuế 2,120 tỷ đồng thì Tổng công ty đã hoàn thành trước 3 tháng. Theo đó, đến hết năm 2013, DPM thực hiện được 2,500 tỷ đồng, vượt kế hoạch 18%. Còn doanh thu ở mức 10,500 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch. Cũng trong năm qua, DPM sản xuất được 821,000 tấn Đạm Phú Mỹ, vượt 7% kế hoạch. Sản lượng kinh doanh phân bón Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, SA Phú Mỹ...) đạt 370,000 tấn.

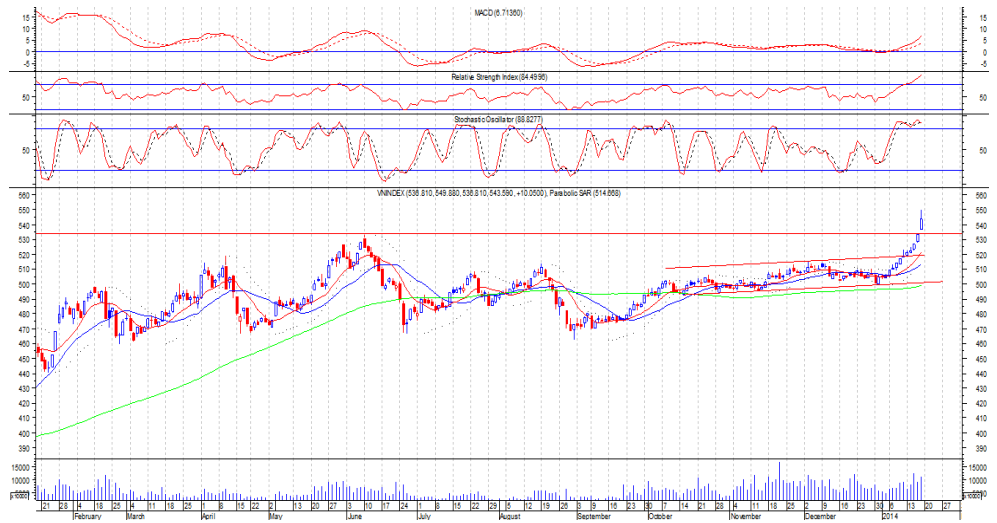
Bà Bùi Thị Hương, Giám đốc đối ngoại Tổng công ty cổ phần Sữa Việt Nam (HOSE: VNM) cho biết, theo BCTC chưa kiểm toán năm 2013, doanh thu của Vinamilk đạt hơn 31,700 tỷ đồng, tăng khoảng 17% so với năm 2012, hoàn thành hơn 97.5% kế hoạch năm 2013. Cũng theo bà Hương, trong tháng 12/2013 vừa qua, Vinamilk đã thành công trong việc đàm phán mua lại 70% cổ phần của Công ty Driftwood Dairy tại bang California. Đây là một doanh nghiệp lâu đời ở Mỹ, chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm từ sữa (như sữa tươi, sữa đậu nành, kem sữa...), nước hoa quả và đồ ăn nhẹ. Vào tháng 4 tới đây, Vinamilk sẽ chính thức tiếp nhận công ty này.

HOSE 17/01/2014 VNINDEX 543.59 10.05 1.88% 118,065,054 CP 2,326.02 bil VND

Khối ngoại tiếp tục đánh thốc VN-Index

VN-Index tăng 10.05 điểm (1.88%), đóng cửa tại mức 543.59 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tiếp tục đóng cửa ở mức đỉnh cao mới.

- MA10, MA20 đi lên cho thấy tín hiệu ngắn hạn đang rất tích cực.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang rất tích cực.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng vào vùng quá mua.
- RSI (14) tăng lên mức 85, đi vào vùng quá mua.
- ADX tiếp tục tăng lên khá mạnh.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.1 (-1.5%)	7,775,190
HAG	0 (0.0%)	6,890,830
SSI	-0.5 (-2.4%)	5,634,060
FLC	-0.2 (-2.3%)	3,990,840
SAM	-0.2 (-2.2%)	3,097,680

HOSE Top 5 theo % tăng

BVH	2.7 (7.0%)	2,071,220
TNT	0.2 (6.9%)	82,370
TLG	2.7 (6.8%)	230
BTT	2 (6.8%)	10
STB	1.2 (6.7%)	2,171,960

HOSE Top 5 theo % giảm

DMC	-16.7 (-28.8%)	96,000
ITD	-0.5 (-6.6%)	817,030
VSI	-0.4 (-6.6%)	7,170
DTA	-0.2 (-6.5%)	410
SHI	-0.3 (-6.3%)	13,470

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	49,9 tỷ	530,080
GAS	46,7 tỷ	595,340
DPM	26,1 tỷ	576,730
HPG	20,0 tỷ	405,260
ITA	16,0 tỷ	#VALUE!

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-36,0 tỷ	#VALUE!
GMD	-5,2 tỷ	145,500
VFG	-2,1 tỷ	49,000
NTL	-1,6 tỷ	110,480
FPT	-0,7 tỷ	14,220

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,774,944	248.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm vốn hóa lớn như MSN, VIC, BVH, GAS... tiếp tục hút mạnh dòng tiền của khối ngoại, VN-Index tăng điểm mạnh. Tuy vậy độ rộng TT không thực sự lớn.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Lực cầu chốt lời xuất hiện khá nhiều khiến nhiều mã không còn giữ được đà tăng và quay đầu điều chỉnh.
- ▶ VN-Index đóng cửa ở vùng đỉnh của 3 năm qua. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ giúp VN-Index tăng điểm, nhưng rủi ro đi kèm đối với nhà đầu tư cũng đang lớn dần.
- ▶ Khối ngoại gia tăng lượng mua ròng. Nếu khối ngoại vẫn duy trì đà mua ròng như hiện nay thì nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT hạn chế tỷ trọng mua mới trong DM. Tránh TH khối ngoại giảm lượng mua ròng đột ngột. NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua trở lại các mã đã điều chỉnh.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	77.0	145,915.00	6,141	10.7	4.0	0.47
VNM	833.5	139.0	115,860.07	7,294	19.9	7.2	0.22
MSN	705.1	95.5	67,340.95	1,467	66.1	4.3	1.19
VIC	928.6	72.5	67,325.87	1,210	52.5	5.4	4.36
VCB	2,317.4	28.4	65,814.64	1,804	15.5	1.5	8.89
CTG	3,266.1	16.3	53,238.15	2,633	7.4	1.5	13.42
BVH	680.5	41.4	28,171.52	1,634	28.3	2.5	2.69
STB	1,142.5	19.0	21,707.72	523	32.5	1.3	10.05
HPG	419.1	50.5	21,162.15	3,005	10.2	1.4	1.12
DPM	379.9	45.7	17,363.00	7,410	5.5	1.6	0.14

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.5	2,674.90	13.0	0.5	NA	T.ĐỔI
PPC	318.2	25.6	8,144.76	5.6	1.6	NA	T.ĐỔI
PHR	78.5	31.0	2,433.19	4.8	1.1	31.0	GIỮ
BMP	45.5	75.0	3,410.89	9.5	1.9	NA	T.ĐỔI
VSC	28.6	64.5	1,847.67	5.0	1.2	NA	T.ĐỔI
DPM	379.9	45.7	17,363.00	5.5	1.6	NA	T.ĐỔI

HNX 17/01/2014 HNX-Index 72.79 -0.29 -0.40% 71,127,884 CP 676.30 bil. VND

Áp lực điều chỉnh lớn dần trên sàn Hà Nội

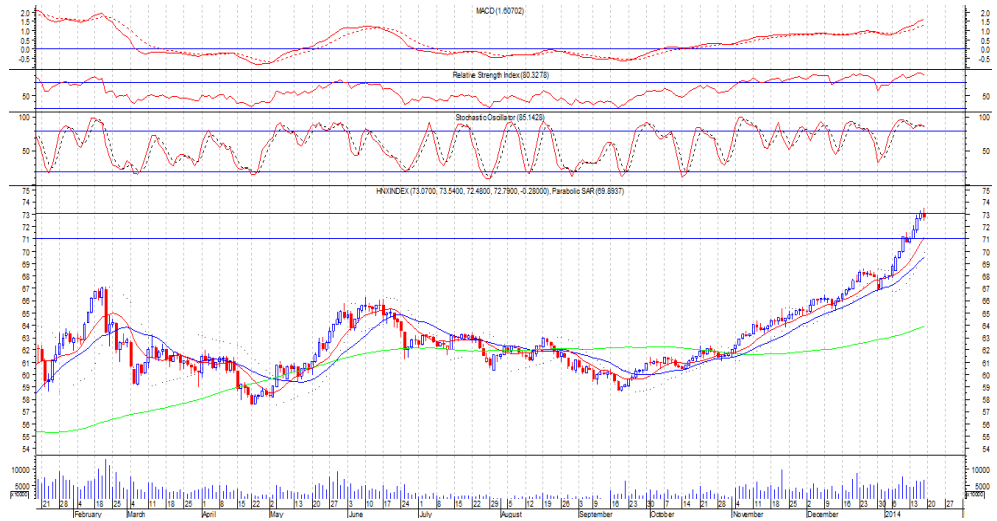
Chỉ số HNX-Index giảm 0.29 điểm (-0.4%), đóng cửa tại mốc 72.79 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến ngắn. HNX-Index điều chỉnh nhẹ.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn được duy trì. Và sẽ là điểm hỗ trợ mạnh nếu HNX-Index tiếp tục điều chỉnh.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán nhưng vẫn đang ở trong ngưỡng quá mua.

- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên. Đây là một tín hiệu rất tích cực.

- RSI (14) giảm nhẹ xuống ỨC 80.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.1 (1.4%)	11,885,730
PVX	-0.2 (-6.7%)	7,202,620
KLS	-0.1 (-1.0%)	5,127,080
SHN	-0.5 (-8.8%)	4,345,520
VND	0.3 (2.3%)	3,846,880

HNX Top 5 theo % tăng

SDC	1 (15.6%)	-
VE4	0.8 (10.0%)	-
VBH	1.4 (9.8%)	200
TDN	0.9 (9.7%)	6,000
BPC	1.1 (9.6%)	14,800

HNX Top 5 theo % giảm

PPE	-0.3 (-10.0%)	3,600
DAD	-1.9 (-9.8%)	2,600
NGC	-1.1 (-9.8%)	3,500
CJC	-2 (-9.6%)	600
GGG	-0.4 (-9.5%)	519,480

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	15,5 tỷ	#VALUE!
PVS	11,1 tỷ	419,900
SHB	8,5 tỷ	#VALUE!
VCG	1,8 tỷ	172,500
SDT	1,7 tỷ	110,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PLC	-1,2 tỷ	53,900
SJE	-0,2 tỷ	10,100
AAA	-0,2 tỷ	7,700
KSD	-0,2 tỷ	50,000
VNC	-0,1 tỷ	5,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	3,190,700	40.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực điều chỉnh ở sàn Hà Nội rõ ràng hơn nhiều, do sàn này ít bị ảnh hưởng bởi lượng mua ròng của khối ngoại. Tuy vậy nhịp điều chỉnh vẫn khá nhẹ.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Lực cầu chốt lời xuất hiện khá nhiều khiến nhiều mã không còn giữ được đà tăng và quay đầu điều chỉnh.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index vẫn đang duy trì. Tuy nhiên nhiều khả năng những nhịp điều chỉnh sẽ diễn ra mạnh ở những phiên tới khi đà chốt lời tiếp tục gia tăng.
- ▶ Khối ngoại quay trở lại mua ròng khá mạnh ở sàn Hà Nội. Nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng như hiện tại, thì HNX-Index sẽ không điều chỉnh nhiều.
- ▶ NĐT hạn chế tỷ trọng mua mới trong DM. Tránh TH khối ngoại giảm lượng mua ròng đột ngột. NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua trở lại các mã đã điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	16.5	15,205.00	432	37.0	1.2	12.61
PVS	446.7	26.0	11,614.21	3,133	5.3	1.0	1.80
SQC	110.0	78.2	8,602.00	1,110	70.5	6.3	0.28
SHB	886.1	7.1	6,291.19	266	25.6	0.6	9.78
VCG	441.7	10.3	4,549.62	267	42.7	1.0	4.03
PVI	226.3	18.9	4,276.22	1,552	10.2	0.6	0.80
LAS	77.8	41.5	3,230.03	5,137	7.4	2.4	1.04
NTP	43.3	67.3	2,916.65	6,884	7.4	1.9	0.38
OCH	100.0	27.4	2,740.00	1,100	23.6	2.3	2.24
VNR	100.8	23.9	2,409.78	3,340	6.7	0.9	0.80

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.5	1,273.00	4.5	0.9	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	20.6	407.88	3.1	0.5	NA	T.ĐỒI
VND	100.0	13.2	1,319.66	7.8	0.8	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	67.3	2,916.65	7.4	1.9	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	60.0	120.00	3.9	1.1	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	47.5	374.06	4.8	1.6	NA	T.ĐỒI

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	852	418	11.9	0.4	2.04
Sản xuất giấy	532	658	9.9	0.5	0.94
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	24,000		12.0	1.3	1.72
Khai khoáng					
Khai thác than	1,356	493	19.6	0.7	4.74
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,998	2,898	6.0	1.1	0.98
Công nghiệp phức hợp	184	- 1,157 -	5.4	0.5	0.59
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,540	1,007	12.6	1.4	0.77
Thiết bị điện	1,182	- 533 -	8.6	0.5	1.09
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	23	263	15.9	0.3	0.44
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Vận tải					
Vận tải thủy	3,886	- 930 -	5.0	0.5	1.45
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Dịch vụ vận tải	3,990	1,703	8.7	1.1	0.81
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,355	2,515	5.1	0.9	2.40
Đào tạo & Việc làm	181	196	34.0	0.6	1.91
Nhà cung cấp thiết bị	154	981	7.3	0.8	2.42
Chất thải & Môi trường	88	6,140	1.7	0.6	1.22
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,250	952	10.5	0.9	1.43
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,112	2,998	5.1	0.9	0.72
Vang & Rượu mạnh	207	2,255	10.2	1.5	0.75
Đồ uống & giải khát	162	3,671	4.1	0.8	0.38
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	18	- 870 -	1.7	0.2	0.32
Thiết bị gia dụng	1,377	1,629	7.0	0.8	1.32
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	4,838	3.4	1.0	0.40
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	1,892	2,046	7.4	0.9	1.64
Giày dép	4	1,938	1.3	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,019	3,221	8.2	1.5	0.89
Thuốc lá					
Thuốc lá	680		52.5	0.9	3.04

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	949	4,635	4.1	1.0	0.86
Dụng cụ y tế	66	5,189	1.9	1.2	1.62
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	120	928	11.3	0.8	0.55
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	359	636	44.8	1.1	2.55
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	539	914	14.8	0.9	1.06
Phân phối hàng chuyên dụng	2,812	3,252	8.6	1.9	3.48
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	5	2,907	1.6	0.3	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	850	1,572	5.9	0.8	0.69
Du lịch và giải trí					
Hàng không	70	4,511	5.2	2.1	1.04
Khách sạn	2,980	880	24.1	2.3	2.02
Dịch vụ giải trí	1,441	639	17.7	1.6	0.91
Vận tải hành khách & Du lịch	1,010	1,530	10.6	1.8	0.49
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	54	628	12.7	0.4	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	383	33	137.6	0.5	1.40
Internet	163	3,039	0.7	0.4	3.98
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	255	779	7.9	0.4	1.32
Thiết bị văn phòng	164	3,027	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	2,104	1,056	10.3	0.9	0.32
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Nước	853	2,446	4.6	0.9	0.58
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,049	516	17.0	0.7	1.69
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,421	1,465	9.1	0.6	0.83
Tái bảo hiểm	2,248	3,340	6.7	0.9	0.80
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,180	69	153.5	1.0	2.44
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng					
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản					
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	672	5.0	0.4	0.88
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.